

BIỂU PHÍ TÍN DỤNG

Áp dụng với Khách hàng Doanh nghiệp

- Thời gian hiệu lực: Từ ngày 20-09-2023

1. Mức phí áp dụng đối với Phân khúc Khách hàng Doanh nghiệp (SME, M-SME, SSE):

STT	MỤC PHÍ	MỨC PHÍ
1	PHÍ TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN	
1.1	Khoản vay ngắn hạn - thời hạn vay tối đa 01 năm (bao gồm cả khoản vay theo Hạn mức tín dụng)	
1.1.1	Thời hạn vay thực tế $\geq$ 50% thời hạn vay của kế ước nhận nợ (giấy nhận nợ)	Miễn phí
1.1.2	Thời hạn vay thực tế < 50% thời hạn vay của kế ước nhận nợ (giấy nhận nợ)	$(0,5\% \times \text{số tiền trả nợ trước hạn} \times \text{số ngày trả nợ trước hạn}) / 365 \text{ ngày}$ Tối thiểu (TT): 200.000 VND Tối đa (TĐ): Thỏa thuận
1.2	Khoản vay trung, dài hạn - có thời hạn vay trên 01 năm	
1.2.1	Khoản vay trung, dài hạn	$2\% \times \text{Số tiền trả nợ trước hạn}$ TT: 500.000 VND TĐ: Thỏa thuận
2	PHÍ THU XẾP CHO VAY HỢP VỐN (ĐỒNG TÀI TRỢ)	
2.1	Phí thu xếp cho vay hợp vốn (đồng tài trợ)	$\text{Phí} = x\% \times \text{Tổng số tiền thu xếp}$, với $0,1\% \leq x\% \leq 2\%$ Trong đó “x” là tỷ lệ tính phí. Tỷ lệ tính phí do TGD MSB/TGD NHCD/Phó TGD NHCD hoặc cấp phê duyệt tín dụng quyết định trên cơ sở thỏa thuận với Khách hàng
3	PHÍ TRẢ CHO HẠN MỨC TÍN DỤNG DỰ PHÒNG	
3.1	Phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng	$\text{Phí} = x\% \times \text{Hạn mức cho vay dự phòng được cấp}$, với $0\% \leq x\% \leq 5\%$

		Trong đó “x” là tỷ lệ tính phí. Tỷ lệ tính phí do TGD MSB/TGD NHCD/ Phó TGD NHCD hoặc cấp phê duyệt tín dụng quyết định trên cơ sở thỏa thuận với Khách hàng
4	PHÍ CAM KẾT RÚT VỐN	
4.1	Phí cam kết rút vốn	$Phí = x\% * \text{Số tiền cam kết rút vốn nhưng không rút, với } 0\% \leq x\% \leq 5\%$ Trong đó “x” là tỷ lệ tính phí. Tỷ lệ tính phí do TGD MSB/TGD NHCD/ Phó TGD NHCD hoặc cấp phê duyệt tín dụng quyết định trên cơ sở thỏa thuận với Khách hàng

2. Mức phí áp dụng đối với Khách hàng doanh nghiệp lớn (LC), khách hàng thuộc Khối Khách hàng Chiến lược:

STT	MỤC PHÍ	MỨC PHÍ
1	PHÍ TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN	
1.1	Phí trả nợ trước hạn đối với Khoản vay ngắn hạn - thời hạn vay tối đa 01 năm (bao gồm cả khoản vay theo Hạn mức tín dụng)	
1.1.1	Thời hạn vay thực tế $\geq$ 50% thời hạn vay của kế ước nhận nợ (giấy nhận nợ)	Miễn phí
1.1.2	Thời hạn vay thực tế < 50% thời hạn vay của kế ước nhận nợ (giấy nhận nợ)	
a	Khoản vay có kỳ hạn < 6 tháng	$(0.2\% * \text{Số tiền trả nợ trước hạn} * \text{Số ngày trả nợ trước hạn}) / 365 \text{ ngày}$ TT: 200.000 VND TĐ: Thỏa thuận
b	Khoản vay có kỳ hạn $\geq$ 6 tháng	$(0.5\% * \text{Số tiền trả nợ trước hạn} * \text{Số ngày trả nợ trước hạn}) / 365 \text{ ngày}$ TT: 200.000 VND TĐ: Thỏa thuận
1.2	Khoản vay trung, dài hạn - có thời hạn vay trên 01 năm	

	Thời hạn vay thực tế $\geq$ 70% thời hạn vay của khế ước nhận nợ (giấy nhận nợ)	Miễn phí
	Thời hạn vay thực tế $<$ 70% thời hạn vay của khế ước nhận nợ (giấy nhận nợ)	(1% * Số tiền trả nợ trước hạn * Số ngày trả nợ trước hạn)/365 ngày TT: 500.000 VND TĐ: Thỏa thuận
2	PHÍ THU XẾP CHO VAY HỢP VỐN (ĐỒNG TÀI TRỢ)	
2.1	Phí thu xếp cho vay hợp vốn (đồng tài trợ)	$Phí = x\% * \text{Tổng số tiền thu xếp}$, với $0,1\% \leq x\% \leq 2\%$ Trong đó “x” là tỷ lệ tính phí. Tỷ lệ tính phí do TGD MSB/TGD NHCD/Giám đốc Khối KHCL hoặc cấp phê duyệt tín dụng quyết định trên cơ sở thỏa thuận với Khách hàng
3	PHÍ TRẢ CHO HẠN MỨC TÍN DỤNG DỰ PHÒNG	
3.1	Phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng	$Phí = x\% * \text{Hạn mức cho vay dự phòng được cấp}$, với $0\% \leq x\% \leq 5\%$ Trong đó “x” là tỷ lệ tính phí. Tỷ lệ tính phí do TGD MSB/TGD NHCD/Giám đốc Khối KHCL hoặc cấp phê duyệt tín dụng quyết định trên cơ sở thỏa thuận với Khách hàng
4	PHÍ CAM KẾT RÚT VỐN	
4.1	Phí cam kết rút vốn	$Phí = x\% * \text{Số tiền cam kết rút vốn nhưng không rút}$, với $0\% \leq x\% \leq 5\%$ Trong đó “x” là tỷ lệ tính phí. Tỷ lệ tính phí do TGD MSB/TGD NHCD/Giám đốc Khối KHCL hoặc cấp phê duyệt tín dụng quyết định trên cơ sở thỏa thuận với Khách hàng

Ghi chú:

- Các loại phí liên quan đến khoản vay phải được xác định và quy định rõ mức phí áp dụng trong hợp đồng/phụ lục hợp đồng tín dụng. Trường hợp không quy định cụ thể cách tính phí và mức phí trong Hợp đồng/phụ lục hợp đồng tín dụng, thì áp dụng các loại phí và mức phí theo quy định của MSB tại thời điểm giải ngân tương ứng.